

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay giằng co quanh ngưỡng 1,285 cả ngày. Cuối phiên chiều, chỉ số bật tăng lên ngưỡng 1,290, tuy nhiên áp lực bán tại đây đã ngay lập tức đẩy chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,282.02 điểm, đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin, Dầu khí, Hóa chất, Bán lẻ,... có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng hơn 1 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Thị trường vẫn cho thấy sự e dè sau phiên giảm điểm mạnh trước đó. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 21/06/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-0.28** điểm, đóng cửa tại **1282.02** điểm. HNX-Index **+0.39** điểm, đóng cửa tại **244.36** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **LPB (+1.18)**, **FPT (+1.04)**, **GVR (+0.56)**, **PLX (+0.32)**, **SSB (+0.32)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.47)**, **HDB (-0.32)**, **ACB (-0.28)**, **VHM (-0.27)**, **TCB (-0.26)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,665** tỷ đồng, giảm **-12.44%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **21,429** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **8.62** điểm. Thị trường có **185** mã tăng, **78** mã tham chiếu, **234** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1007.32** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-227.01 tỷ)**, **VND (-128.57 tỷ)**, **VRE (-85.01 tỷ)**, **HPG (-63.41 tỷ)**, **POW (-52.02 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-34.57** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.19%**. Các mã diễn biến tích cực: **FPT (+2.10%)**, **DGW (+1.43%)**, **DGC (+1.38%)**.
- BSC50 **-0.43%**. Các mã diễn biến tích cực: **PLX (+2.42%)**, **QTP (+2.37%)**, **FRT (+2.23%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.19%	-0.43%	-0.02%	-0.18%
1 tuần	-0.72%	-0.11%	0.19%	0.45%
1 tháng	0.60%	-1.05%	-0.60%	0.64%
3 tháng	1.66%	-0.15%	0.27%	0.86%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,282.02	244.36	100.58
% 1D	-0.02%	0.16%	1.32%
GTGD (tỷ VND)	18,665	1,321	2,032
%1D	-12.44%	-2.07%	49.51%
GDNN (tỷ VND)	-1007.32	-34.57	3.79

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
EVF	60.66	FPT	-227.01
CTR	56.37	VND	-128.57
LPB	43.05	VRE	-85.01
TCH	32.02	HPG	-63.41
ELC	29.00	POW	-52.02

Thị trường thế giới

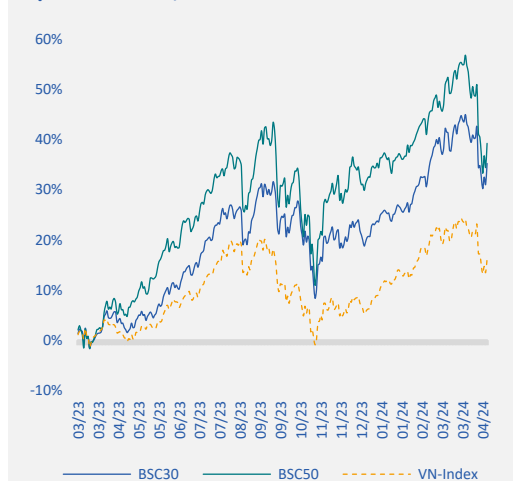
	%D	%W
SPX	-0.25%	0.96%
FTSE100	-0.36%	1.17%
Eurostoxx	-0.62%	1.72%
Shanghai	-0.24%	-1.14%
Nikkei	-0.07%	-0.60%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	85.58	-0.15%
Giá vàng	2,373	0.83%
Tỷ giá		
USD/VND	25,468	0.00%
EUR/VND	27,999	-0.35%
JPY/VND	160	
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.01%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



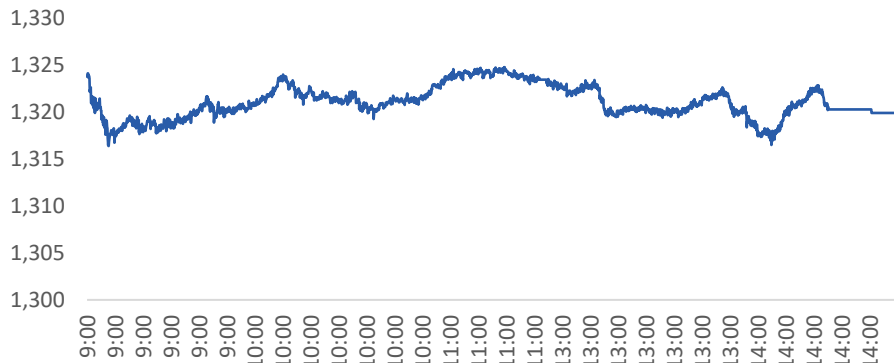
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1322.2	0.15%	148	244.19%	9/19/2024	90
VN30F2412	1320.2	-0.02%	42	-37.3%	12/19/2024	181
VN30F2407	1320.9	0.11%	250436	443.41%	7/18/2024	27
VN30F2408	1322		250		8/15/2024	55

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -2.43 điểm, đóng cửa tại 1319.93 điểm. Biên độ dao động 8.74 điểm. Các cổ phiếu như HDB, HPG, ACB, TCB, VPB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên dưới tham chiếu, chỉ số không thắng được áp lực bán trong phiên hôm nay. Kết phiên chỉ số bật tăng với thanh khoản nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2407.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2318	7/15/2024	24	300	-48.58%	9.90	7,510	4.7%	15.78	69.98	136.10	136.10
CMWG2314	1/9/2025	202	556,700	-65.20%	5.20	1,690	2.4%	5.84	22.10	63.50	63.50
CMWG2318	7/22/2024	31	1,081,700	-59.09%	4.20	3,630	2.3%	9.89	25.98	63.50	63.50
CFPT2310	8/5/2024	45	1,800	-39.93%	8.45	9,270	1.1%	16.15	81.75	136.10	136.10
CFPT2317	11/21/2024	153	234,800	-51.25%	10.10	3,750	0.8%	8.41	66.35	136.10	136.10
CTCB2307	8/5/2024	45	200	-15.29%	3.30	4,500	0.4%	5.47	20.75	24.50	24.50
CFPT2314	1/9/2025	202	456,500	-46.58%	10.00	6,270	0.3%	12.64	72.70	136.10	136.10
CMWG2316	8/23/2024	63	234,300	-66.55%	4.80	2,740	0.0%	9.79	21.24	63.50	63.50
CPDR2305	6/26/2024	5	555,900	-68.59%	1.83	1,590	0.0%	6.17	7.57	24.10	24.10
CFPT2316	7/22/2024	31	134,200	-39.02%	8.20	7,480	-0.1%	12.79	83.00	136.10	136.10
CFPT2313	8/9/2024	49	355,200	-50.18%	10.00	5,780	-0.3%	12.62	67.80	136.10	136.10
CACB2306	7/22/2024	31	67,600	-67.22%	1.85	2,460	-0.4%	9.01	8.05	24.55	24.55
CMBB2315	1/9/2025	202	474,000	-67.61%	1.96	1,420	-1.4%	5.44	7.51	23.20	23.20
CHPG2342	11/21/2024	153	104,600	-62.77%	2.18	950	-2.1%	2.96	10.82	29.05	29.05
CVIB2306	8/23/2024	63	10,100	-64.15%	1.61	3,290	-2.1%	10.70	7.82	21.80	21.80
CTCB2312	7/15/2024	24	200	-11.69%	3.16	6,350	-2.5%	7.34	21.64	24.50	24.50
CMBB2318	9/23/2024	94	36,400	-66.43%	1.76	1,540	-2.5%	5.48	7.79	23.20	23.20
CACB2304	9/25/2024	96	17,900	-68.11%	1.93	2,340	-2.9%	8.98	7.83	24.55	24.55
CTCB2310	10/9/2024	110	1,221,700	-20.91%	3.39	2,060	-4.2%	2.73	19.38	24.50	24.50
CTCB2309	9/25/2024	96	268,400	-26.77%	3.39	5,000	-11.5%	7.27	17.94	24.50	24.50

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 21/06/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CTPB2305 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 36.36%. CMWG2318 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.35%.
- CTCB2312, CTCB2307, CTCB2310, CTCB2309, và CFPT2316 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2310, CFPT2318, CVNM2315, CHPG2329, và CHPG2322 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	136.10	2.10%	3.24
SSB	23.75	2.15%	0.72
MSN	76.20	0.53%	0.30
VIC	41.65	0.48%	0.24
PLX	42.30	2.42%	0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HDB	136.10	-1.91%	-1.01
HPG	23.75	-1.02%	-0.99
ACB	76.20	-1.01%	-0.91
TCB	41.65	-1.21%	-0.71
VPB	42.30	-0.51%	-0.50

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LPB	28.80	6.47%	1.18	2.56
FPT	136.10	2.10%	1.04	1.46
GVR	34.55	1.62%	0.56	4.00
PLX	42.30	2.42%	0.32	1.27
SSB	23.75	2.15%	0.32	2.50

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	29.05	-1.02%	-0.47	6.40
HDB	23.15	-1.91%	-0.32	2.91
ACB	24.55	-1.01%	-0.28	4.47
VHM	37.75	-0.66%	-0.27	4.35
TCB	24.50	-1.21%	-0.26	3.52

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	15.70	9.79%	0.74	0.68
VIF	19.90	9.94%	0.49	0.35
PVI	61.00	2.69%	0.27	0.23
MBS	34.70	1.46%	0.16	0.44
CDN	32.50	5.18%	0.12	0.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	17.10	-1.16%	-0.13	0.89
PVS	43.00	-0.69%	-0.10	0.48
IDC	61.90	-0.64%	-0.09	0.33
VCS	82.00	-0.97%	-0.09	0.16
DNP	20.90	-5.00%	-0.09	0.12

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGT	15.00	7.00%	0.04	0.47
TLH	8.02	6.98%	0.02	6.10
RAL	139.30	6.96%	0.06	0.10
SMA	9.05	6.96%	0.00	0.00
VPH	8.07	6.94%	0.01	1.36

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

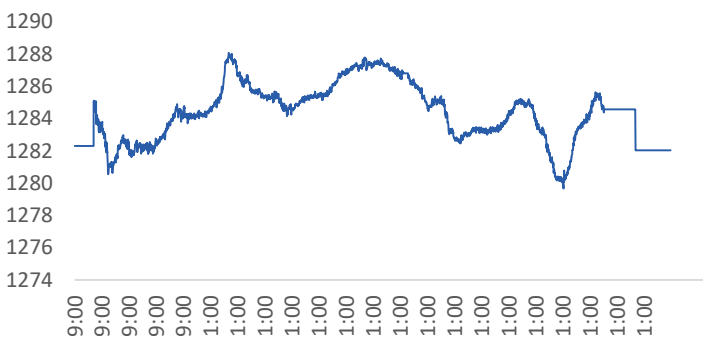
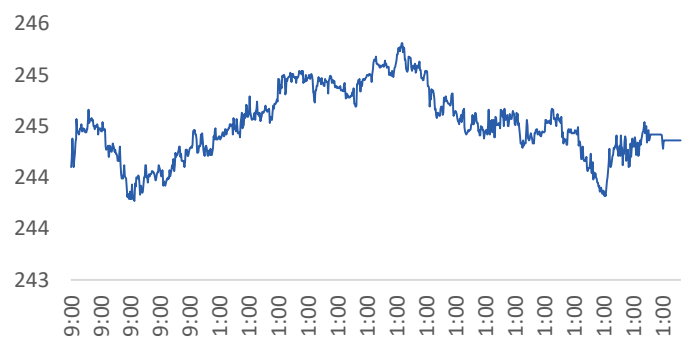
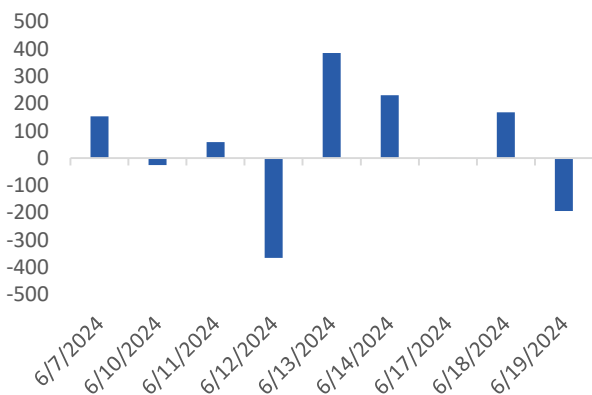
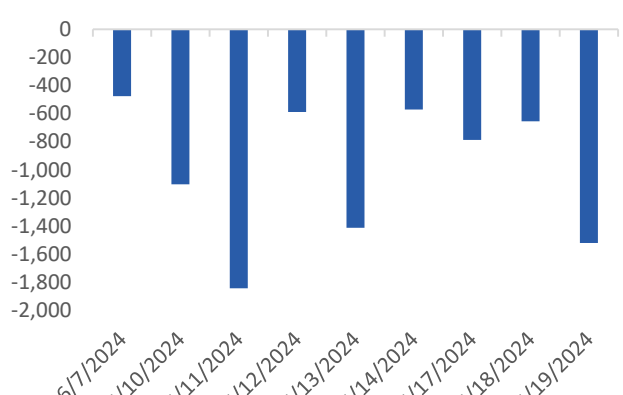
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCR	3.70	-5.41%	0.00	0.00
NHT	12.40	-5.24%	0.00	0.00
ADP	28.95	-5.18%	-0.01	0.00
DXV	5.50	-4.91%	0.00	0.01
QBS	1.20	-4.50%	0.00	1.53

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	39.00	10.00%	0.15	0.00
CTP	6.00	10.00%	0.03	0.56
PIA	28.00	10.00%	0.04	0.00
VIF	18.10	9.94%	2.58	0.06
THS	12.10	9.92%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L61	2.30	-12.57%	-0.01	0.02
BXH	20.00	-10.00%	-0.02	0.00
SGC	100.00	-10.00%	-0.24	0.00
HKT	7.60	-9.21%	-0.01	0.00
NBW	32.10	-9.03%	-0.11	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday

Hình 2
HNX-Index Intraday

Hình 3
Giao dịch tự doanh

Hình 4
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	86.0	0.00%	0.6	18,886	6.1	5,838	14.7	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	45.6	0.20%	1.0	10,214	2.8	3,841	11.9	-	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	-0.50%	1.0	6,110	37.7	1,397	14.0	-	27.1%	Link
TCB	Ngân hàng	24.5	-1.20%	1.1	6,782	11.3	5,600	4.4	-	11.1%	Link
MBB	Ngân hàng	23.2	-0.20%	1.0	4,837	9.2	3,818	6.1	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.6	-0.30%	1.0	2,270	13.8	4,206	7.3	-	23.1%	Link
CTG	Ngân hàng	32.2	0.00%	1.2	6,794	6.2	3,751	8.6	-	296.2%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	-1.00%	0.8	4,309	4.9	4,072	6.0	-	26.1%	Link
SSI	Chứng khoán	35.5	-1.10%	1.2	2,105	12.6	1,704	20.8	-	43.2%	Link
IDC	Xây dựng	61.9	-0.60%	1.2	803	3.1	5,880	10.5	65,700	23.9%	Link
HPG	VLXD	29.0	-1.00%	1.2	7,301	16.3	1,601	18.1	41,500	24.7%	Link
HSG	VLXD	25.2	0.00%	1.7	610	14.4	1,423	17.7	-	21.5%	Link
VHM	BĐS	37.8	-0.70%	1.1	6,459	19.3	5,074	7.4	108,300	16.3%	Link
KDH	BĐS	37.5	-0.10%	1.4	1,178	3.7	726	51.7	44,500	39.1%	Link
NLG	BĐS	40.9	-0.70%	1.5	618	3.8	1,040	39.3	-	49.2%	Link
DGC	Hóa chất	131.8	1.40%	1.4	1,967	22.4	7,845	16.8	115,000	19.2%	Link
DCM	Phân bón	39.2	-0.10%	1.3	816	8.4	2,313	17.0	46,100	8.6%	Link
GAS	Dầu khí	77.9	-0.10%	0.6	7,030	3.2	4,688	16.6	-	2.0%	Link
PVS	Dầu khí	43.0	-0.70%	1.0	808	6.6	1,992	21.6	-	21.0%	Link
PVD	Dầu khí	31.4	0.30%	1.2	687	3.7	1,200	26.2	38,400	16.6%	Link
POW	Dầu khí	14.7	-2.60%	0.8	1,353	7.9	350	42.1	17,100	4.3%	Link
VHC	Thủy sản	73.8	-1.70%	1.2	651	6.9	3,774	19.6	108,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	83.4	0.20%	0.9	1,018	3.2	8,430	9.9	90,400	47.6%	Link
VNM	Bán lẻ	66.0	0.00%	0.7	5,420	10.3	4,408	15.0	93,100	50.3%	Link
MSN	Bán lẻ	76.2	0.50%	1.3	4,530	11.9	215	353.8	-	26.4%	Link
MWG	Bán lẻ	63.5	0.00%	1.4	3,648	17.8	717	88.5	-	47.7%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.7	-0.10%	1.0	1,284	3.5	5,860	16.7	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	63.8	1.40%	1.8	419	4.7	2,200	29.0	66,600	23.5%	Link
FPT	Bán lẻ	136.1	2.10%	0.9	7,810	40.9	5,335	25.5	107,900	41.3%	Link
CTR	Hạ tầng	160.2	1.10%	1.1	720	6.3	4,582	35.0	-	10.5%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.2	-1.90%	0.9	2,649	6.5	3,809	6.1	1.5	17.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.8	-0.90%	1.2	2,173	3.1	3,315	6.6	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.1	-0.80%	1.2	1,566	5.3	2,050	8.8	1.2	28.3%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.4	0.00%	1.2	1,136	2.6	2,310	6.3	0.9	29.6%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.6	0.00%	1.0	1,269	4.1	1,147	16.2	1.4	3.2%	10.1%
HCM	Chứng khoán	28.2	0.20%	1.6	779	6.4	1,175	23.9	2.3	45.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	48.2	-1.00%	1.8	829	8.4	1,409	34.2	2.6	18.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	16.2	-3.00%	1.5	969	12.8	2,057	7.9	1.2	11.8%	13.1%
BSI	Chứng khoán	56.3	-0.90%	1.7	449	1.4	2,208	25.5	2.4	39.8%	9.0%
SHS	Chứng khoán	18.2	0.00%	1.7	582	5.2	1,076	16.9	1.4	9.5%	5.7%
CTD	Xây dựng	76.2	-0.40%	1.2	299	4.7	2,709	28.1	0.9	46.5%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.6	-1.20%	1.5	204	1.7	833	15.1	0.6	8.3%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.6	-0.90%	1.6	88	1.0	655	17.8	0.9	2.4%	4.6%
SZC	Xây dựng	42.9	1.50%	1.2	303	3.3	1,515	28.3	2.6	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	95.0	0.60%	1.3	679	1.6	5,701	16.7	4.5	1.5%	26.9%
PHR	BĐS KCN	60.9	0.30%	1.1	324	0.4	3,448	17.7	2.2	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	26.2	-1.50%	1.9	627	9.9	(38)	-681.2	2.1	4.4%	2.1%
CEO	BĐS	17.4	-2.20%	1.3	352	2.6	312	55.8	1.5	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	29.4	-1.50%	1.6	885	4.1	1,262	23.2	1.2	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	53.6	-1.50%	1.2	944	1.2	2,746	19.5	2.9	5.2%	12.5%
GVR	BĐS KCN	34.6	1.60%	1.5	5,430	5.0	628	55.0	2.7	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	25.4	-2.70%	1.6	263	9.2	1,222	20.8	1.2	15.1%	2.3%
BMP	Vật liệu	107.5	-2.10%	0.9	346	0.9	11,594	9.3	3.1	83.5%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.2	0.00%	1.6	226	1.3	865	17.6	1.3	4.7%	10.3%
DXG	BĐS	15.8	-0.90%	1.9	449	3.2	420	37.7	1.1	19.6%	1.1%
VRE	Bất động sản	20.0	-1.20%	1.3	1,786	9.6	1,966	10.2	1.2	25.7%	12.4%
PDR	Bất động sản	24.1	-1.40%	1.7	827	6.6	964	25.0	1.9	6.2%	7.2%
DIG	Bất động sản	26.2	-1.50%	1.9	627	9.9	(38)	-681.2	2.1	4.4%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.1	-1.20%	1.4	600	1.3	73	234.0	1.5	0.0%	0.7%
C4G	Xây dựng	10.0	2.00%	1.4	-	0.3	433	23.1	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	71.2	-1.00%	1.6	124	2.1	4,370	16.3	2.2	4.0%	16.1%
DHC	Hóa chất	42.4	0.40%	1.1	134	0.8	3,461	12.3	1.8	39.9%	17.2%
DRC	Cao su	34.4	1.00%	0.8	160	0.6	2,286	15.0	2.1	12.5%	13.2%
PC1	Điện	30.0	1.20%	1.3	367	9.1	651	46.1	1.8	9.0%	4.1%
HDG	BĐS	32.8	-1.50%	1.3	394	9.0	2,061	15.9	1.6	16.9%	12.9%
GEX	Điện	23.2	-0.40%	1.8	776	10.1	625	37.1	1.6	9.3%	4.1%
QTP	Điện	17.3	2.40%	0.6	-	1.6	1,549	11.2	1.4	1.3%	10.8%
PLX	O&G	42.3	2.40%	0.9	2,112	3.3	2,570	16.5	2.0	17.6%	10.7%
BSR	O&G	24.1	-1.60%	1.1	-	12.6	2,588	9.3	1.3	0.0%	15.6%
PLC	O&G	27.8	0.00%	1.5	88	0.2	1,112	25.0	1.7	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	34.0	0.70%	1.4	178	1.5	(252)	-134.6	1.6	0.9%	1.5%
PTB	Gỗ	75.1	-0.40%	0.7	198	0.3	4,765	15.8	1.9	24.9%	10.6%
VSC	Logistics	22.3	0.70%	1.4	234	5.2	532	41.9	2.0	2.9%	6.2%
HAH	Logistics	43.4	-10.80%	1.3	180	6.9	3,081	14.1	1.7	11.6%	12.1%
VTP	Logistics	95.6	-0.40%	1.4	458	6.0	2,980	32.1	7.1	7.7%	25.6%
DBC	Logistics	36.8	1.40%	1.7	350	19.0	1,729	21.3	1.9	11.7%	0.5%
FRT	Bán lẻ	179.0	2.20%	0.7	958	8.2	(2,215)	-80.8	14.5	35.9%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.5	0.00%	0.7	-	0.5	6,737	7.3	2.0	15.2%	27.3%
TNG	Dệt may	26.2	1.90%	1.2	117	3.4	1,981	13.2	1.7	18.9%	12.5%
PVT	O&G	29.9	1.20%	0.9	418	3.6	3,150	9.5	1.4	14.1%	14.3%
DPM	Phân bón	37.4	0.10%	1.3	574	5.0	1,372	27.2	1.3	8.6%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639